



BẢN TIN NGHỊ P V THÁNG 5 NĂM 2020

A. VẤN ĐỀ PHÁP QUY M I BAN HÀNH

CHÍNH PH

1. Nghị nh s 58/2020/N -CP ngày 27 tháng 5 n m 2020

Quy nh m c óng b o hi m xã h i b t bu c vào Qu b o hi m tai n n lao ng, b nh ngh nghi p

- Ngh nh này quy nh m c óng b o hi m xã h i b t bu c vào Qu b o hi m tai n n lao ng, b nh ngh nghi p.
- Ng i s d ng lao ng h ng tháng óng bình th ng b ng 0,5% qu ti n l ng làm c n c óng b o hi m xã h i.
- Ng i s d ng lao ng h ng tháng óng b ng 0,3% qu ti n l ng làm c n c óng b o hi m xã h i c áp đ ng i v i doanh nghi p b o m i u ki n theo quy nh t i i u 5 c a Ngh nh này.

Ngh nh này có hi u l c thi hành t ngày 15 tháng 7 n m 2020.

2. Nghị quy t s 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 n m 2020

V các nhi m v , gi i pháp ti p t c tháo g khó kh n cho s n xu t kinh doanh, thúc y gi i ngân v n u t công và b o m tr t t an toàn xã h i trong b i c nh i d ch Covid-19

Ti p t c tháo g khó kh n cho s n xu t kinh doanh, h tr i t ng b nh h ng b i d ch Covid-19

- Gi m 15% ti n thuê t ph i n p c a n m 2020 i v i doanh nghi p, t ch c, h gia ình, cá nhân ang c Nhà n c cho thuê t.
- Gi m 2% lãi su t cho vay tr c tí p, cho vay gián tí p i v i doanh nghi p nh và v a t Qu Phát tri n doanh nghi p nh và v a.
- Gi m 50% l phí tr c b khi ng ký ô tô s n xu t ho c l p ráp trong n c t i h t n m 2020 nh m kích thích tiêu dùng trong n c.
- Cho phép các chuyên gia, nhà qu n lý doanh nghi p, nhà u t , lao ng k thu t cao là ng i n c ngoài làm vi c trong các d án u t , kinh doanh t i Vi t Nam, c nh p c nh vào Vi t Nam duy trì ho t ng s n xu t kinh doanh c a doanh nghi p, b o m phù h p v i các quy nh v phòng, ch ng d ch. Nghiêm c m phân bi t, k th ng i n c ngoài sinh s ng và làm vi c t i Vi t Nam.

...

Chính ph trình y ban th ng v Qu c h i, Qu c h i xem xét, quy t nh các n i dung sau:

- Mi n ti n c p quy n khai thác tài nguyên n c i v i doanh nghi p khai thác n c s n xu t, kinh doanh trong n m 2020.
- Gi m 30% thu thu nh p doanh nghi p ph i n p c a n m 2020 i v i doanh nghi p nh và siêu nh h tr trong b i c nh i d ch Covid-19.

...



3. Nghị quyết 61/2020/N -CP ngày 29 tháng 5 năm 2020

Sa i, b sung m t s i u c a Ngh i nh s 28/2015/N -CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Vi c làm v b o hi m th t nghi p

- Sa i, b sung kho n 2, kho n 3 i u 12: Các tr ng h p ng i lao ng c xác nh là ang óng b o hi m th t nghi p theo quy nh t i i u 49 Lu t Vi c làm.
- Sa i, b sung kho n 3 i u 14: B tr ng B Lao ng - Th ng binh và Xã h i quy nh giá d ch v t v n, gi i thi u vi c làm t Qu b o hi m th t nghi p cho ng i lao ng theo quy nh t i i u 54 Lu t Vi c làm.
- Sa i, b sung kho n 2 i u 16: B n chính ho c b n sao có ch ng th c ho c b n sao kèm theo b n chính i chi u c a m t trong các gi y t xác nh n v vi c ch m d t h p ng lao ng ho c h p ng làm vi c.
- ...

Ngh i nh này có hi u l c thi hành t ngày 15 tháng 7 năm 2020.

B TÀI CHÍNH

4. V n b n s 5977/BTC-TCT ngày 20 tháng 5 năm 2020

V/v tri n khai th c hi n Ngh i nh s 41/2020/N -CP

Trong quá trình th c hi n, B Tài chính xin l u ý n i dung liên quan n gia h n n p thu thu nh p doanh nghi p (TNDN) và thu giá tr gia t ng (GTGT) t i i u 3 Ngh i nh s 41/2020/N -CP nh sau:

- S thu TNDN còn ph i n p theo quy t toán c a k tính thu n m 2019 c gia h n không bao g m s thu TNDN t m n p theo quý. Theo ó, s thu TNDN còn ph i n p theo quy t toán c a k tính thu n m 2019 t i a b ng 20% t ng s thu ph i n p c n m theo quy t toán.
- Doanh nghi p, t ch c là i t ng c gia h n n p thu , ti n thuê t quy nh t i i u 2 Ngh i nh s 41/2020/N -CP c gia h n s thu GTGT ph i n p quy nh t i kho n 1 i u 3 Ngh i nh s 41/2020/N -CP bao g m s thu GTGT t i tr s chính và s thu GTGT ph i n p t i a ph ng n i có ho t ng kinh doanh xây d ng vãng lai ngo i t nh, xây d ng công trình liên t nh.

B. CÔNG V N H NG D N - TR L I

T NG C THU

5. S 1836/TCT-CS ngày 08 tháng 5 năm 2020

V/v hoàn thu GTGT

i u ki n kh u tr , hoàn thu GTGT u vào i v i hàng hoá xu t kh u t i ch theo quy nh c a pháp lu t:

- H p ng mua bán hàng hoá ho c h p ng gia công có ch nh giao hàng t i Vi t Nam.
- T khai h i quan hàng hoá xu t kh u - nh p kh u t i ch ã làm xong th t ch i quan.
- Hoá n giá tr gia t ng ho c hoá n xu t kh u ghi rõ tên ng i mua phía n c ngoài, tên doanh nghi p nh n hàng và a i m giao hàng t i Vi t Nam.
- Hàng hoá bán cho th ng nhân n c ngoài nh ng giao hàng t i Vi t Nam ph i thanh toán qua ngân hàng b ng ngo i t t do chuy n i.



- Hàng hoá xuất khẩu từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật.

6. S 2012/TCT-DNNCN ngày 18 tháng 5 năm 2020

V/v chính sách thu

Trên hợp phần SSA có kinh doanh tại Việt Nam hoặc phát sinh thu nhập tại Việt Nam từ việc cung cấp lao động sang làm việc tại SSIT thì SSIT thực hiện kê khai, nộp thuế nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính. Cá nhân lao động của SSA sang làm việc tại SSIT có thu nhập phát sinh từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập khác thì chịu thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

7. S 2033/TCT-KK ngày 18 tháng 5 năm 2020

V/v: Chính sách thu

Công ty cổ phần xuất và phát triển in ấn Hi (trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh) có cơ sở sản xuất in là Nhà máy in mât tại Srepok 1 (tỉnh Đắk Lắk), Công ty cổ phần xuất và phát triển in ấn Hi thực hiện bán in cho Tập đoàn in ấn Việt Nam (cơ sở sản xuất in không trực tiếp bán in) thì việc khai thuế, nộp thuế thực hiện như sau:

- Thuế GTGT: Công văn số 1653/TCT-DNL ngày 27/4/2020 về việc hướng dẫn kê khai, nộp thuế trừ đi Chiết khấu Nông và Công ty cổ phần thuế in ấn Miền Trung.
- Thuế TNDN: Trên hợp phần Nhà máy in mât tại Srepok 1 hạch toán chi phí thì Nhà máy in mât tại Srepok 1 thực hiện kê khai, tính nộp thuế TNDN riêng tại tỉnh Đắk Lắk. Trên hợp phần Nhà máy in mât tại Srepok 1 hạch toán phần thuế thì Công ty kê khai thuế TNDN của Công ty (không bao gồm các chi phí hạch toán kế toán chi phí Công ty) tại trụ sở chính TP. Hồ Chí Minh. Nếu Nhà máy in mât tại Srepok 1 đang trong thời gian chuyển nhượng thì Công ty phải tính riêng thu nhập chịu thuế tổng chung của hai đơn vị xác nhận số tiền tại tỉnh Đắk Lắk của Nhà máy in mât tại Srepok 1 theo hướng dẫn của pháp luật thuế TNDN hiện hành.

8. S 2078/TCT-DNNCN ngày 20 tháng 05 năm 2020

V/v hướng dẫn về chính sách thu

- Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Phú Quốc có ký hợp đồng với các doanh nghiệp làm dịch vụ lý bán vé tàu cao tốc (tàu thu) ứng giá cho Công ty thì Công ty kê khai tính nộp thuế GTGT trên toàn bộ doanh thu bán vé, các doanh nghiệp làm dịch vụ lý bán vé ứng giá hàng hóa hàng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo các quy định nêu trên.
- Trên hợp phần Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Phú Quốc ký hợp đồng với các cá nhân làm dịch vụ lý bán vé tàu cao tốc (tàu thu) ứng giá hàng hóa hàng (thu của ngành dịch vụ bán áp dụng theo khoản 7, điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC). Công ty chỉ trích khoản hàng hóa hàng cho cá nhân thực hiện khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân theo tờ khai thuế mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính. Công ty ghi chứng từ “Khai thay” vào phần chứng từ “Ngân hàng nhập thu hoặc đi nhập pháp của ngân hàng nhập thu” đồng thời ghi khai ký tên, đóng dấu của Công ty. Công ty nộp thuế thay cho cá nhân tại Chi cục Thuế nơi Công ty đặt trụ sở. Trên hồ sơ tính thuế, chứng từ thuế thu nhập thì hiện ngân hàng nhập thu là cá nhân kinh doanh.



J C C THU TP. HÀ N I

9. S 29720/CT-TTHT ngày 04 tháng 5 n m 2020

V/v thu GTGT i v i bán hàng vãng lai ngo i t nh

Công ty TNHH Meibi Vi t Nam (tr s chính t i Hà N i) ký h p ng s FJT-MB/WFC PJ 01.2019 v i Công ty Fujita Corporation Nh t B n - T ng th u th c hi n xây d ng d án Water Front City H i Phòng t i Lô C, Ph ng V nh Ni m, Qu n Lê Chân, TP H i Phòng th c hi n d ch v d n v sinh cho d án xây d ng t i H i Phòng, ph m vi các công vi c th c hi n theo h p ng g m: d n v sinh các t ng, ban công, t ng ngoài, th m, các phòng, các thi t b n i th t và ánh bóng sàn b ng công c nh kh n lau, bàn ch i, máy hút b i, hoá ch t t y r a... thì ho t ng này không ph i là ho t ng kinh doanh xây d ng, l p t, bán hàng vãng lai ngo i t nh. Công ty không thành l p chi nhánh, do ó vi c kê khai và n p thu GTGT i v i doanh thu phát sinh c a h p ng nêu trên th c hi n kê khai t p trung t i c quan thu qu n lý tr c ti p tr s chính.

10. S 33313/CT-TTHT ngày 11 tháng 5 n m 2020

V/v u ãi thu TNDN i v i lãi t i ng i ngân hàng có k h n

N u n m 2019 Công ty TNHH Summit Auto Seats Industry (Hà N i) ang c h ng u ãi TNDN do áp ng i u ki n u ãi v a bàn thì thu nh p c h ng u ãi thu TNDN là toàn b thu nh p phát sinh t ho t ng s n xu t kinh doanh trên a bàn u ãi (bao g m c lãi t i ng i ngân hàng có k h n phát sinh trên a bàn u ãi) tr các kho n thu nh p nêu t i Kho n l i u 10 Thông t s 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 c a B Tài chính.

11. S 34316/CT-TTHT ngày 12 tháng 5 n m 2020

V/v thu GTGT đv cung c p cho khách hàng c a i tác n c ngoài

Công ty TNHH Maruka Vi t Nam kí h p ng v i t ch c n c ngoài cung c p d ch v s a ch a cho khách hàng c a t ch c n c ngoài là doanh nghi p n i a Vi t Nam, doanh nghi p ch xu t (bao g m c tr ng h p doanh nghi p ch xu t không n m trong khu ch xu t) thì thu su t thu GTGT c xác nh theo nguyên t c sau:

- Tr ng h p d ch v cung c p tr c ti p cho t ch c, cá nhân t i Vi t Nam và tiêu dùng t i Vi t Nam thì thu c ãi t ng áp đ ng m c thu su t thu GTGT 10% theo quy nh t i i u 11 Thông t 219/2013/TT-BTC.
- Tr ng h p d ch v cung c p tr c ti p cho t ch c, cá nhân trong khu phi thu quan và tiêu dùng trong khu phi thu quan thì c xác nh là d ch v xu t kh u và áp đ ng thu su t thu GTGT 0%

12. S 36240/CT-TTHT ngày 15 tháng 5 n m 2020

V/v: Xu t hoá n i n t kèm b ng kê

Hoá n i n t b n ch t là t p h p các thông i p đ li u i n t v bán hàng hoá, cung ng d ch v , c kh i t o, l p, g i, nh n, l u tr và qu n lý b ng ph ng ti n i n t , s dòng có th t ng lên tu theo s l ng hàng hoá, s n ph m có trên hoá n. Khi bán hàng hoá Công ty xu t hoá n i n t cho khách hàng thì Công ty ph i l p y danh m c hàng hoá, d ch v bán ra m b o nguyên t c thông tin ch a trong hoá n i n t có th truy c p, s đ ng c đ i đ ng hoàn ch nh khi c n thì t theo quy nh t i Kho n 3 i u 3 Thông t s 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 c a B Tài chính. Tr ng h p Công ty l p hoá i n t không hi n th y danh m c hàng hoá, d ch v bán ra mà l i kèm theo b ng kê gi y cho khách hàng trong ó có nh ng hàng hoá, d ch v không c hi n th trên hoá n i n t là không phù h p theo quy nh v hoá n i n t .

2020 年 05 月稅務新知

A. 新法律文件

1) 政府

1. 2020 年 05 月 27 日第 58/2020/N -CP 號法令

規定向勞動意外傷害與職業病保險基金繳款的強制性社會保險費的水平

- 該法令規定了向勞動意外傷害與職業病保險基金繳款的強制性社會保險費的水平。
- 每月雇主支付參加社會保險工資基金的 0.5%。
- 每月雇主支付參加社會保險工資基金的 0.3%，適用於符合本法令第 5 條規定的條件的企業。

該法令於 2020 年 7 月 15 日生效。

2. 2020 年 05 月 29 日第 84/NQ-CP 號議決

關於在 Covid-19 大疫情中繼續消除生產和業務困難，促進公共投資資本解款並確保社會秩序和安全的任務和解決方案。

繼續消除生產和業務上的困難，支持受 Covid-19 疫情影響的對象

- 減少從國家租賃土地的企業，組織，家庭戶和個人的 2020 年應付土地租金的 15%。
- 中小型企業發展基金對中小型企業的直接貸款和間接借貸的利率降低 2%。
- 在 2020 年底之前註冊國內製造或組裝的汽車時，降低註冊費的 50%，以刺激國內消費。
- 允許在越南從事投資和商業項目的外國人的專家，業務經理，投資者，高科技工作者進入越南進行維護企業的生產經營活動，確保符合預防和控制疫情的規定。嚴格禁止歧視在越南生活和工作的外國人。

...

政府向國會常務委員會報告，國會考慮提出以下決定：

- 在 2020 年，對開採用水進行生產和經營的企業免除授予水源開採的費用。
- 減少小型和微型企業的 2020 年應繳納的企業所得稅的 30%，以支持在 Covid-19 大疫情的背景下。

...

3. 2020 年 05 月 29 日第 61/2020/N -CP 號法令

修訂和補充政府 2015 年 3 月 12 日第 28/2015/ND-CP 號法令細節規定了就業法中有關失業保險的若干條款

修訂和補充第 12 條第 2 款和第 3 款：根據勞動法第 49 條確定勞動者在支付失業保險金的情況。

- 修改和補充第 14 條第 3 款：勞工，戰爭傷殘和社會事務部長應根據就業法第 54 條規定由失業保險基金為勞動者提供諮詢和工作介紹服務的價格。

- 修改和補充第 16 條第 2 款：原件或認證副本，或附上原件的副本，用於比較證明勞動合同或工作合同已終止的文件之一。

- ...

該法令於 2020 年 7 月 15 日生效。

） 財政部

4. 2020 年 05 月 20 日第 5977/BTC-TCT 號

實施第 41/2020/ND-CP 號法令

在實施過程中，財政部提醒注意第 41/2020/ND-CP 號法令第 3 條中有關延期企業所得稅 (CIT) 和增值稅 (VAT) 的納稅時間的內容如下：

- 根據 2019 年稅期結算的應付 CIT 剩餘金額可延期，將不包括按季度臨時支付的企業所得稅金額。因此，根據 2019 年稅期結算的應付 CIT 剩餘金額最多等於全年應納稅總額的 20%。
- 符合第 41/2020/ND-CP 號法令第 2 條規定的有資格延長納稅和土地租金時間的企業和組織，可以延長繳納增值稅金額依據第 41/2020/N -CP 號法令第 3 條第 1 款，包括總部的增值稅，以及在發生省外建築業務或跨省建設工程活動的所在地的增值稅額。

B. 指導-回復文書

） 稅務總局

5. 2020 年 05 月 08 日第 1836/TCT-CS 號

增值稅退稅

依法律規定的當場出口商品抵扣和退還進項增值稅的條件：

- 有指定在越南交貨的商品購銷合同或者加工合同。
- 已經完成海關程序的當場進口-出口商品的報關單。
- 增值發票或出口發票上應清楚說明外國買家的姓名，收貨方的名稱以及在越南的交貨地點。
- 出售給外國貿易商但在越南交付的貨物必須通過銀行並以自由兌換的外幣支付。
- 外國投資企業的當場出口商品必須符合投資登記證的規定。

6. 2020 年 05 月 18 日第 2012/TCT-DNNCN 號

稅收政策

如果 SSA 在越南開展業務或通過派遣勞動者到 SSIT 工作而在越南產生收入，SSIT 應根據財政部 2014 年 6 月 8 日第 103/2014/TT-BTC 號通知在越南申報並繳納外國承包商稅。在 SSIT 工作並從薪金，工資和其他收入中獲得收入的 SSA 員工個人應在越南繳納個人所得稅依據財政部 2013 年 8 月 15 日第 111/2013/TT-BTC 號通知第 1 條的規定。

7. 2020年05月18日第2033/TCT-KK號 稅收政策

大海電力發展與投資股份公司（Dai Hai PDI JSC，總部設在胡志明市）有電力生產基地是 Srepok 1 太陽能發電廠（位於多乐省）。如果大海電力發展與投資股份公司向越南電力集團出售電力（電力生產基地不直接出售電力），則納稅申報實現如下：

- 關於增值稅：2020年4月27日第1653/TCT-DNL號公文，指導納稅、申報和向得农省稅務局和中部水電股份公司（Công ty c ph n thu i n Mi n Trung）回復。
- 關於企業所得稅：如果 Srepok 1 太陽能發電廠進行獨立核算，則要單獨在多乐省申報，計算和繳納企業所得稅。如果 Srepok 1 太陽能發電廠是附屬核算，則公司應在胡志明市總部申報公司的企業所得稅（不包括與公司獨立會計核算的單位）。

如果 Srepok 1 太陽能發電廠處於企業所得稅激勵期內，則公司必須對獎勵活動單獨計算應納稅所得額，以確定 Srepok 1 太陽能發電廠在多乐省的應納稅額，依據現行企業所得稅法的指導下。

8. 2020年05月20日第2078/TCT-DNNCN號 稅收政策指導

- 富國高速船股份公司與作為賣船票代理商的企業簽訂了合同，按公司提供的價格出售，則公司應就全部賣票銷售營業額申報並繳納增值稅。根據商法規定，以正確價格銷售而收取佣金的票務代理企業，應當遵守上述規定實現。
- 如果富國高速船股份公司與作為票務代理商的個人簽訂了合同，按正確價格賣票以獲得佣金（根據第219/2013/TT-BTC號第5條第7款出售服務行業）。向個人支付佣金的公司必須代替個人申報與納稅依據財政部2015/06/15日第92/2015/TT-BTC號通知頒布附加上的第01/CNKD號表格。公司在“納稅人或納稅人的合法代表”的前面填寫“代替申報”，同時，申報人簽字並蓋上公司章。公司在公司所在地稅務機關進行代替個人提交納稅申報文件。在稅收文件上，稅收單據仍顯示納稅人是經營個人。

河內市稅務局

9. 2020年05月04日第29720/CT-TTHT號 省外銷售商品的增值稅

Meibi 越南責任有限公司（總部位於河內）與日本 Fujita Corporation 公司簽訂了第 FJT-MB/WFC PJ 01.2019 號合同，日本 Fujita Corporation 公司是實現海防 Water Front City 項目的總承包商，項目地址在海防黎真郡永念坊 C 座，在海防的建築項目提供清潔服務，該合同的工作範圍包括：清潔各層樓，陽台，

牆壁外部，地毯，房間，室內設備和地板拋光工具，例如毛巾，刷子，吸塵器，化學清潔劑……那麼，此活動不是省外建築，安裝和銷售商品業務。公司沒有設立分支機構，因此上述合同產生的收入的增值稅申報和支付主要集中在直接管理總部的稅務部門。

10. 2020年05月11日第33313/CT-TTHT號

定期存款利息的企業所得稅優惠

如果在2019年河內 Summit Auto Seats Industry 有限公司由於滿足當地的優惠條件而享受企業所得稅的優惠，則符合企業所得稅優惠條件的收入是指在符合優惠條件的區域內從生產和經營活動產生的所有收入（包括在優惠區域的銀行定期存款的利息）除財政部2015年6月22日第96/2015/TT-BTC號通知第10條第1款所述的收入外。

11. 2020年05月12日第34316/CT-TTHT號

向外國合作夥伴的客戶提供服務的增值稅

Maruka Vietnam Company Limited 與外國機構簽訂合同以向外國機構的客戶提供修理服務，該客戶是越南國內企業，出口加工企業（包括不在出口加工區內的出口加工企業），則根據以下原則確定增值稅稅率：

- 如果直接向在越南的組織和個人提供服務並在越南消費，則應按照第219/2013/TT-BTC號通知第11條規定的10%增值稅稅率繳納增值稅。
- 如果直接向在非關稅區的組織和個人提供服務並在非關稅區消費，則將被確定為出口服務，增值稅稅率為0%。

12. 2020年05月15日第36240/CT-TTHT號

有附上列表的電子發票

電子發票本質上是有關商品銷售和服務提供的電子數據消息的集合，這些信息通過電子方式進行初始化，製作，發送，接收，存儲和管理，行數可能會增加，具體取決於發票上商品和產品的數量。在銷售商品時，公司會向客戶開具電子發票，公司必須製作一份完整的銷售商品和服務清單，以確保電子發票中包含的信息在必要時可以完整的形式來訪問和使用根據財政部2011年3月14日第32/2011/TT-BTC號通知第3條第3款的規定，在必要時以完整的形式提供信息。如果電子發票公司不顯示所售商品和服務的完整清單，而是隨附一份紙質清單給客戶，包括未在電子發票上顯示的商品和服務，將不符合電子發票規定。

13. 2020年05月18日第37026/CT-TTHT號

對越南境外提供和使用的服務的承包商稅

KJTT Vietnam Co., Ltd 與一家在韓國組織（在越南沒有常設機構）簽訂了合同，以履行在韓國提供和消費的服務或提供送貨服務，從韓國到越南的國際物流，將不是應交承包商稅的對象，根據上述第103/2014/TT-BTC號通知第13條，第12條和第2條。

14. 2020 年 05 月 25 日 第 40840/CT-TTHT 號**促銷活動的稅收政策指導**

- Diana Unicharm 股份公司授權分銷商在向客戶提供促銷商品時，根據商業法為客戶進行“買 X 送 Y”的促銷計劃，分銷商應開具發票，在發票上清楚地註明商品名稱和數量，並寫清楚是促銷商品和增值稅為零 (0)。
- Diana Unicharm 股份公司向分銷商支付實現促銷計劃的商品價值，則在收到付款時，分銷商必須開具增值稅發票，如果分銷商是通過扣除方法繳納增值稅的納稅人就按 10% 的稅率計算增值稅，如果分銷商是通過直接方法繳納增值稅的納稅人就依據營業額的百分比 (%) 確定應交稅額。
- 對於 Diana Unicharm 股份公司向分銷商支付的促銷費用，如果滿足財政部 2015/06/22 日第 96/2015/TT-BTC 號通知第 4 條的規定，在確定企業所得稅應納稅所得額時可抵扣費用。

